

Số: /KH-HĐXTH

Hòa Sơn, ngày tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH
Tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức
thuộc xã Hòa Sơn năm 2026

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Công văn số 3873/SNV-CCVC ngày 29/6/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk về việc có ý kiến về chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Đề án số 02/QĐ-UBND ngày 18/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Sơn về Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ngành giáo dục năm 2026 thuộc Ủy ban nhân dân xã Hòa Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 08/7/2026 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Sơn về việc thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ngành giáo dục năm 2026 thuộc Ủy ban nhân dân xã Hòa Sơn;

Hội đồng xét thăng hạng xã Hòa Sơn xây dựng Kế hoạch tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc xã năm 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Chuẩn hóa chức danh nghề nghiệp cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường học đáp ứng yêu cầu phân công, bố trí theo Đề án vị trí việc làm của các cơ sở giáo dục đã được phê duyệt;

- Lựa chọn được đội ngũ viên chức đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp theo quy định nhằm góp phần xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo có phẩm chất chính trị, đạo đức, có năng lực chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế;

- Đảm bảo kịp thời về chế độ, chính sách cho đội ngũ viên chức tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

- Động viên, khuyến khích đội ngũ viên chức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác

2. Yêu cầu

- Đảm bảo nguyên tắc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng phải có đủ hồ sơ và minh chứng theo quy định. Đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí không có minh chứng là các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận, quyết định, bằng khen, giấy khen, đề tài, đề án hoặc sản phẩm được ứng dụng trong giáo dục, giảng dạy học sinh và tài liệu có liên quan thì minh chứng là biên bản đánh giá, nhận xét về khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn đó của tổ chuyên môn, tổ bộ môn hoặc tương đương và có xác nhận của người đứng đầu cơ sở giáo dục trực tiếp quản lý, sử dụng giáo viên, nhân viên. Đối với tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, minh chứng là bản sao có công chứng các văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN VÀ HỒ SƠ CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ DỰ XÉT

1. Đối tượng

Viên chức ngành giáo dục công tác tại các cơ sở giáo dục công lập, bao gồm cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường học đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp theo quy định, có nhu cầu đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2026 lên các chức danh nghề nghiệp.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng

2.1. Tiêu chuẩn, điều kiện chung

- Căn cứ quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ, viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng. Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên

môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ. Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.2. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp

2.2.1. Giáo viên mầm non hạng I, Mã số V.07.02.24

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II và tương đương, có 05 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; trong đó có ít nhất 02 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 8 28/2026/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 28/2026/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

2.2.2 Giáo viên mầm non hạng II, mã số V.07.02.25

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III và tương đương, có 02 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 28/2026/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 28/2026/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

2.2.3 Giáo viên tiểu học hạng I, mã số V.07.03.27

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II và tương đương, có 05 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I theo quy định tại khoản 3, Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT và khoản 3, Điều 9 Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Việc xác định thời gian tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

2.2.4 Giáo viên tiểu học hạng II, mã số V.07.03.28

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III và tương đương, có 03 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại khoản 2, Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT và khoản 2, Điều 8 Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

2.2.5 Giáo viên trung học cơ sở hạng I, mã số V.07.04.30

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II và tương đương, có 05 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư 30/TTBGDĐT.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư 30/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

2.2.6 Giáo viên trung học cơ sở hạng II, mã số V.07.04.31

- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32).

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III và tương đương, có 03 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư 30/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư 30/TT-BGDĐT.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

2.2.7 Nhân viên Văn thư (Văn thư viên, mã số 02.007)

Thực hiện theo Điều 11 Thông tư số 2/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 6/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ 19 trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TTBNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

2.2.8 Nhân viên Thư viện (Thư viện viên hạng III, mã số V.10.02.06)

Thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện, ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

2.2.9 Nhân viên Kế toán (Kế toán viên hạng III, mã số V.06.031)

Thực hiện theo Điều 5 Thông tư 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2.2.10 Nhân viên Y tế (Điều dưỡng hạng III, mã số V.08.05.12)

Thực hiện theo Điều 6 Thông tư 02/2025/TT-BYT ngày 09/01/2025 của Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

3. Hồ sơ đăng ký dự xét

a) Hồ sơ cá nhân đăng ký xét thăng hạng

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng giáo viên thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể thành phần hồ sơ gồm có:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo mẫu HS02-VC-BNV ban hành theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ, được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

- Căn cước công dân (bản công chứng);
- Phiếu rà soát điều kiện, tiêu chuẩn của đơn vị (**Phụ lục 01**);
- Bản xác nhận của lãnh đạo đơn vị nơi viên chức đang công tác về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn nghiệp vụ theo quy định (**Mẫu theo Phụ lục 02**);
- Bản sao Quyết định đánh giá, xếp loại viên chức các năm công tác liền kề;
- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định, bản dịch tiếng Việt bằng tốt nghiệp đối với các trường hợp tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam;
- Bản sao các quyết định: tuyển dụng, hết tập sự, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hiện giữ, các quyết định liên quan thời gian giữ ngạch, chức danh nghề nghiệp được tính tương đương với chức danh nghề nghiệp hiện giữ; bổ nhiệm vào chức danh lãnh đạo, quản lý, quyết định lương gần nhất;
- Bản sao các bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận, quyết định... được cấp có thẩm quyền ghi nhận trong quá trình hoạt động nghề nghiệp của cá nhân trong thời gian giữ hạng, ngạch tương đương;
- Đối với các tiêu chuẩn không có minh chứng là văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận, quyết định, bằng khen, giấy khen, đề tài, đề án hoặc sản phẩm được ứng dụng trong giáo dục, giảng dạy học sinh và tài liệu có liên quan thì minh chứng là biên bản đánh giá, nhận xét về khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn đó của tổ chuyên môn, tổ bộ môn hoặc tương đương, có xác nhận của người đứng đầu cơ sở giáo dục trực tiếp quản lý, sử dụng giáo viên.

Hồ sơ được đựng trong túi bằng bìa cứng, các loại giấy tờ xếp theo thứ tự các mục trong **Phụ lục 03** (gửi kèm).

- Số lượng hồ sơ: mỗi giáo viên nộp 01 bộ hồ sơ dự xét.
- b) Hồ sơ các trường gửi về xã
- Công văn cử viên chức tham gia dự xét;
 - Danh sách theo mẫu **Phụ lục 04**;
 - Hồ sơ của viên chức nộp dự xét thăng hạng;
 - Thời gian nộp hồ sơ: trong giờ hành chính, **từ ngày 14/7/2026 đến hết ngày 19/07/2026**;
 - Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hòa Sơn. (Buôn Bàng Kung, xã Hòa Sơn, tỉnh Đắk Lắk)

III. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ XÁC ĐỊNH VIÊN CHỨC TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG

1. Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng.

2. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

3. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

a) Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định theo khoản 20, Điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, được người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

b) Trường hợp đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận:

+ Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập các hạng; Huân chương Lao động các hạng; Anh hùng Lao động; Nhà giáo Nhân dân; Chiến sỹ thi đua toàn quốc; Giải thưởng Hồ Chí Minh; Giải thưởng nhà nước.

+ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

+ Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh (hoặc tương đương); Được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen hoàn thành xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ hàng năm; Thủ trưởng bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen chuyên đề có thời gian từ 05 năm trở lên.

+ Được Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen đối với người được phân công trực tiếp bồi dưỡng, đào tạo, giảng dạy, huấn luyện các tập thể, cá nhân đạt giải (hoặc tương đương) trong các kỳ thi (cuộc thi) quốc tế, khu vực quốc tế, quốc gia, khu vực quốc gia hoặc giải Nhất (hoặc tương đương) trong các kỳ thi (cuộc thi) cấp tỉnh; Được Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen đối với các cá nhân đạt từ giải khuyến khích trở lên (hoặc tương đương) trong các kỳ thi (cuộc thi) quốc tế, quốc gia hoặc giải Nhất (hoặc tương đương) trong các kỳ thi (cuộc thi) cấp tỉnh.

+ Được Thủ trưởng bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen đột xuất (hoặc theo chuyên đề có thời gian dưới 05 năm); Được công nhận đạt thành tích trong các kỳ thi (cuộc thi) cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc chủ trì tham mưu tổ chức; Được công nhận sáng kiến cấp tỉnh; Được công nhận giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh; Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở.

+ Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn (hoặc tương đương) thuộc UBND tỉnh hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện, xã (hoặc tương đương); Được Ủy ban

Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (hoặc tương đương) tặng Bằng khen.

+ Được công nhận đạt thành tích trong các kỳ thi (hội thi) cấp tỉnh do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc chủ trì tham mưu tổ chức; Có sáng kiến cấp cơ sở (do Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận).

Lưu ý: Các thành tích trong cùng một cấp độ là tương đương; nếu trong cùng mức cấp độ thành tích thì viên chức có số thành tích minh chứng nhiều hơn được xác định là cao hơn; thành tích cá nhân xếp trước, thành tích tập thể xếp sau.

- Viên chức là nữ;
- Viên chức là người dân tộc thiểu số;
- Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);
- Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức. Đơn vị cử viên chức tham dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp và viên chức chịu trách nhiệm về thành phần, giá trị sử dụng các tài liệu minh chứng trong hồ sơ đăng ký thăng hạng; trường hợp đã công bố kết quả thẩm định thì viên chức không được bổ sung các thành phần, tài liệu trong hồ sơ đã đăng ký.

3. Thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Chủ tịch UBND xã phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã Hòa Sơn.

c) Trong trường hợp Hội đồng xét thăng hạng đã thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng mà phát hiện viên chức trúng tuyển vi phạm các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật; sử dụng các văn bằng, chứng chỉ, văn bản không hợp lệ (nộp trong hồ sơ dự xét thăng hạng) ... thì hủy kết quả trúng tuyển với viên chức đó, đồng thời không bổ sung viên chức khác thay thế.

IV. CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG

Chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân xã: 153 chỉ tiêu, cụ thể:

1. Bậc mầm non: 59 chỉ tiêu

- Viên chức mầm non: 53 chỉ tiêu, trong đó:

+ Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II: 51 chỉ tiêu, gồm 06 viên chức quản lý và 45 giáo viên.

+ Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I: 02 chỉ tiêu, đều là viên chức quản lý.

- Nhân viên trường học: 06 chỉ tiêu: Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III: 06 chỉ tiêu, trong đó: Nhân viên Kế toán 03 chỉ tiêu; nhân viên Văn thư 02 chỉ tiêu; nhân viên Y tế 01 chỉ tiêu.

2. Bậc tiểu học: 64 chỉ tiêu

- Viên chức tiểu học: 53 chỉ tiêu, trong đó:

+ Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II: 51 chỉ tiêu, gồm 04 viên chức quản lý và 47 giáo viên.

+ Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I: 02 chỉ tiêu, gồm 01 viên chức quản lý và 01 giáo viên.

- Nhân viên trường học: 11 chỉ tiêu - Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III: 11 chỉ tiêu, trong đó: Nhân viên Kế toán 04 chỉ tiêu; nhân viên Thư viện 04 chỉ tiêu; nhân viên Văn thư 02 chỉ tiêu; nhân viên Y tế 01 chỉ tiêu.

3. Bậc trung học cơ sở: 30 chỉ tiêu

- Viên chức trung học cơ sở: 23 chỉ tiêu, trong đó:

+ Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II: 13 chỉ tiêu, đều là giáo viên.

+ Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I: 10 chỉ tiêu, gồm 04 viên chức quản lý và 06 giáo viên.

- Nhân viên trường học: 07 chỉ tiêu: Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III: 07 chỉ tiêu, trong đó: Nhân viên Kế toán 02 chỉ tiêu; nhân viên Văn thư 01 chỉ tiêu; nhân viên Thư viện 03 chỉ tiêu; nhân viên Y tế 01 chỉ tiêu.

V. HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG

1. Thành phần Hội đồng

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định. Thành phần Hội đồng xét thăng hạng có 07 thành viên gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Phó Chủ tịch UBND xã.

- Phó Chủ tịch Hội đồng: 01 Lãnh đạo Phòng Văn hóa - Xã hội.

- Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng, trong đó có 01 ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng. Dự kiến số lượng 05 người, gồm:

- + Đại diện các trường Mẫu giáo, Tiểu học và THCS: 03 thành viên (mỗi cấp học 01 cán bộ quản lý hoặc giáo viên có chuyên môn phù hợp);
- + Phòng Văn hóa - Xã hội: 02 chuyên viên (trong đó 01 chuyên viên là Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng).

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

Hội đồng xét thăng hạng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ); Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Chủ tịch Hội đồng được sử dụng con dấu của UBND xã, Phó Chủ tịch Hội đồng sử dụng con dấu của cơ quan đơn vị mình phụ trách.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Hội đồng

Thực hiện theo Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ.

VI. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

- Bước 1: Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp - Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2026;
- Bước 2: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp ban hành Kế hoạch tổ chức kỳ xét thăng hạng;
- Bước 3: Nhận hồ sơ người đăng ký dự xét thăng hạng (từ ngày 14/7 đến ngày 19/7/2026); tổng hợp hồ sơ, lập danh sách giáo viên đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Bước 4: Thành lập Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng: Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định thành lập Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thành lập các ban giúp việc gồm: Ban thẩm định hồ sơ, Tổ giúp việc theo quy định;
- Bước 5: Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (ngày 27,28/7/2026);
- Bước 6: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển, chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển.
- Bước 7: Hội đồng xét thăng hạng thông báo kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng.

- Bước 8: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng: Chủ tịch UBND xã thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng xét thăng hạng

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đã biểu quyết. Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- a) Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- b) Thành lập bộ phận giúp việc: Ban thẩm định hồ sơ dự xét, Tổ giúp việc Hội đồng;
- c) Tổ chức thẩm định hồ sơ dự xét theo quy chế;
- d) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (nếu có);
- e) Tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

- a) Tham mưu Đề án, Kế hoạch triển khai kỳ xét thăng hạng;
- b) Tham mưu thành lập Hội đồng, Ban Giám sát, Ban thẩm định hồ sơ, Tổ giúp việc và các bộ phận liên quan kỳ xét thăng hạng;
- c) Chủ trì tham mưu ban hành các văn bản phục vụ công tác xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

3. Phòng Kinh tế:

Tham mưu UBND xã bố trí kinh phí thực hiện kỳ xét thăng hạng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Hiệu trưởng các trường học

- a) Thông báo công khai đến cán bộ quản lý, giáo viên các nội dung của kỳ xét thăng hạng để cán bộ quản lý, giáo viên được biết.
- b) Rà soát, cử viên chức đăng ký đảm bảo đúng tiêu chuẩn, điều kiện; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử tham dự xét thăng hạng và lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức theo phân cấp.
- c) Thành lập Tổ rà soát hồ sơ xét thăng hạng (mẫu rà soát theo Phụ lục 01); Sau khi rà soát, lập danh sách theo Phụ lục 04, phải xếp thứ tự viên chức có thành

tích theo nhóm cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp theo quy định tại khoản 3 Mục III Kế hoạch này (ngoài ra lập một danh sách theo phụ lục 05 nộp về UBND xã qua Phòng Văn hoá- Xã Hội).

d) Phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ Hội đồng xét thăng hạng trong quá trình triển khai thực hiện.

5. Viên chức đăng ký xét thăng hạng

Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và Hội đồng xét thăng hạng về tính chính xác, trung thực của các nội dung, hồ sơ cá nhân đăng ký dự xét.

Cung cấp đầy đủ hồ sơ, minh chứng liên quan xét thăng hạng theo vị trí việc làm, yêu cầu của Hội đồng xét thăng hạng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (nếu có).

6. Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công

Thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của xã Kế hoạch này và các nội dung liên quan đến công tác xét thăng hạng viên chức trên hệ thống thông tin - truyền thông của xã.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Hòa Sơn năm 2026./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- VP HĐND & UBND;
- Phòng: VH-XH; Kinh tế;
- Trung tâm Cung ứng DVSN công;
- Các đơn vị trường học trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXX.

Báo cáo

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ
Đỗ Trọng Giáp